

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025-2026
NHÓM TRẺ GHÉP TỪ 18 ĐẾN 36 THÁNG TUỔI MUỖNG ANH 1A

TT	Độ tuổi	Mục tiêu	Nội dung giáo dục		Điều chỉnh, bổ sung
			Chung	Riêng	
1. Giáo dục phát triển thể chất					
a) Phát triển vận động					
* Trẻ biết thực hiện động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp					
1	18-24 tháng	Trẻ biết bắt chước một số động tác theo cô: Giơ tay- đưa về phía trước- sang ngang.	- Tay: Tay giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang. - Lưng, bụng, lườn: Cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên. - Chân: ngồi xuống, đứng lên.	- Hô hấp: tập hít thở + Tay: Đưa ra sau Chân: Dạng sang 2 bên.	
	24-36 tháng	Trẻ thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: Hít thở, tay, lưng/bụng và chân.		- Hô hấp: tập hít vào, thở ra - Tay: Đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay. - Lưng, bụng, lườn: Vận người sang 2 bên. - Chân: co duỗi từng chân.	
* Trẻ biết thực hiện vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu					
2	18-24 tháng	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi đi theo đường thẳng (ở trên sàn) hoặc cầm đồ vật nhỏ trên hai tay và đi hết đoạn đường 1,8 - 2m.	* Tập đi, chạy + Đi trong đường hẹp + Đi theo hướng thẳng + Đi có mang vật trên tay.	* Tập đi, chạy + Tập bước lên, xuống bậc thang + Đi bước qua vật cản.	
	24-36 tháng	Trẻ biết giữ được thăng bằng trong vận động đi/chạy thay đổi tốc độ nhanh - chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bề vật trên tay.	+ Đi theo hiệu lệnh.	- Tập đi, chạy + Chạy theo hướng thẳng. + Chạy nhanh về phía trước	

				+ Đứng co 1 chân. + Đi theo đường ngoằn ngoèo + Bật tại chỗ + Bật qua vật cản + Đi bước vào các ô + Đi bước qua gậy kê cao. + Đi trong đường hẹp đầu đội túi cát + Bật qua vạch kẻ + Đi kết hợp với chạy + Bước lên xuống bậc cao có tay vịn + Bước lên xuống bậc cao 15cm	
3	18-24 tháng	Trẻ biết thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: biết lăn - bắt bóng với cô.	* Tập tung, ném: + <u>Ném bóng 1 tay về phía trước</u>	- Tập tung, ném: + Ngồi lăn bóng. + Đứng ném bóng	
	24-36 tháng	Trẻ biết thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: tung - bắt bóng với cô ở khoảng cách 1m; ném vào đích xa 1 - 1,2m.		- Tập tung, ném, bắt: + Tung bắt bóng cùng cô. + Ném bóng vào đích. - Lăn bóng theo đường đích dắc + Tung bóng bằng 2 tay	
4	18-24	Trẻ biết phối hợp tay,	* Tập bò,	- Tập bò,	

	tháng	chân, cơ thể trong bò, trườn chui qua vòng, qua vật cản.	trườn + Bò chui qua cổng + Bò chui (dưới dây, gậy kê cao) + Trườn qua vật cản	trườn: + Bò tới đích + Trườn tới đích. + Bò đến vật chuẩn	
	24-36 tháng	Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng.		- Tập bò, trườn: + Bò qua vật cản + Trườn chui qua cổng + Bò theo đường đích dắc + Bật về phía trước + Bò thẳng hướng theo đường hẹp + Bò thẳng hướng có mang vật trên lưng	
5	18-24	Trẻ biết thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: Ném bằng một tay lên phía trước được khoảng 1,2m; đá bóng lăn xa lên trước tối thiểu 1,5m.	+ Tung bóng qua dây	+ Lăn bắt bóng cùng cô + Ném bóng vào rổ	
	24-36 tháng	Trẻ biết thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: ném xa lên phía trước bằng một tay (tối thiểu 1,5m).		+ Lăn bóng trong đường hẹp + Ném xa bằng 2 tay + Ném xa bằng 1 tay	
* Trẻ biết thực hiện vận động cử động của bàn tay, ngón tay					
6	18-24	Trẻ nhặt được các vật		- Co, duỗi	

	tháng	nhỏ bằng 2 ngón tay.		ngón tay, đan ngón tay. - Cầm, bóp, gõ, đóng đồ vật. - Vạch các nét nguệch ngoạc bằng ngón tay.	
	24-36 tháng	Trẻ biết vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện “múa khéo”.		- Xoay tay, chạm các đầu ngón tay với nhau. - Rót, nhào, khuấy, đảo, vò xé. - Tập khâu, luồn dây, cài, cởi cúc, buộc dây.	
7	18-24 tháng	Trẻ biết tháo lắp, lồng được 3 - 4 hộp tròn, xếp chồng được 2 - 3 khối trụ.		- Đóng mở nắp có ren. - Tháo lắp, lồng hộp tròn, vuông. - Xếp chồng 4 - 5 khối.	
	24-36 tháng	Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay - mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn; vẽ tổ chim; khâu vòng tay, chuỗi đeo cổ.		- Đóng cọc bàn gỗ. - Nhón nhặt đồ vật. - Chắp ghép hình - Chồng, xếp 6-8 khối - Tập cầm bút tô, vẽ - Lật mở trang sách	

b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe

**** Chiều cao cân nặng phù hợp với độ tuổi***

8	18-24 tháng	- Trẻ Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. Trẻ 18 tháng tuổi: + Cân nặng : Bé trai: 8,9 - 14,0 kg, Bé gái: 8,20 - 13,5 kg + Chiều cao: Bé trai: 78,0 - 89,0cm, Bé gái: 76,0 - 88,0 cm Trẻ 24 tháng tuổi: + Cân nặng : Bé trai: 9,75 - 15,4 kg, Bé gái 9,00 -14,9 kg + Chiều cao: Bé trai: 81,3 - 94,0 cm, Bé gái: 80,0- 92,6 cm	- Chế độ dinh dưỡng hợp lý đáp ứng với nhu cầu phát triển của trẻ theo độ tuổi. - Kiểm tra sức khỏe cho trẻ 2 lần/năm - Cân đo: + Đối với trẻ phát triển bình thường, cân đo 3 tháng/lần + Đối với trẻ SDD, béo phì thì theo dõi 1 lần/tháng		
	24-36 tháng	- Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi + Cân nặng bình thường của bé trai: 11,3 – 18,3Kg; Bé gái: 10,8 – 18,1 kg. + Chiều cao bình thường của bé trai: 88,7 - 103,5cm; Bé gái: 87,4 – 102,7 cm	- Đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ theo biểu đồ phát triển		
* Trẻ có một số nền nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt					
9	18-24 tháng	Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm nát, có thể ăn được các loại thức ăn khác nhau.		- Làm quen với chế độ ăn cơm nát và các loại thức ăn khác nhau.	

	24-36 tháng	Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau.		- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau. - Tập luyện nền nếp thói quen tốt trong ăn uống. + Ăn cơm, thịt, đậu, rau, trứng... + Không làm cơm rơi vãi, không nói chuyện khi ăn. + Biết mời cô và bạn ăn cơm.	
10	18-24 tháng	Ngủ 1 giấc buổi trưa.		- Làm quen chế độ ngủ 1 giấc.	
	24-36 tháng	Ngủ 1 giấc buổi trưa.		- Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa.	
11	18-24 tháng	Trẻ biết “gọi” người lớn khi có nhu cầu đi vệ sinh.		- Tập một số thói quen vệ sinh tốt: + Rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh. + “Gọi” cô khi bị ướt, bị bẩn.	
	24-36 tháng	Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định.		- Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín; rửa tay trước khi	

				ăn; lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; vứt rác đúng nơi quy định. - Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt. - <i>Tự chăm sóc bản thân:</i> (chăm sóc mắt, mũi, miệng sau khi ăn)	
* Trẻ biết thực hiện một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe					
12	18-24 tháng	- Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (ngồi vào bàn ăn, cầm thìa xúc ăn, cầm cốc uống nước).		- Tập tự xúc ăn bằng thìa, uống nước bằng cốc. - Tập ngồi vào bàn ăn. - Tập thể hiện khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - Tập ra ngồi bô khi có nhu cầu vệ sinh. - Làm quen với rửa tay, lau mặt.	
	24-36 tháng	Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh...).		- Tập tự phục vụ: + Xúc cơm, uống nước. + <i>Cách cầm thìa, cầm cốc uống nước.</i> + <i>Xúc cơm</i>	

				<i>(không để cơm rơi), uống nước</i> + Chuẩn bị chỗ ngủ. + <i>Chuẩn bị chỗ ngủ (lấy gói, cất gói)</i> - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt. - <i>Tự chăm sóc bản thân: (chăm sóc mắt, mũi, miệng sau khi ăn)</i>	
13	24-36 tháng	Trẻ chấp nhận: đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh.		+ Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt.	
* Trẻ nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn					
14	18-24 tháng	Trẻ biết tránh vật dụng, nơi nguy hiểm (phích nước nóng, bàn là, bếp đang đun..) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến		

	24-36 tháng	Trẻ biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở.	gần.	- Không được đến gần bếp ăn, ổ điện, bát lửa, phích nước nóng, bộ xe máy, máy nổ, cháy nhà. - Nghe thấy tiếng báo động thì trẻ chạy ra khỏi nơi đang ở.	
15	18-24 tháng	Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm (sờ vào ổ điện, leo trèo lên bàn, ghế..) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh.		
	24-36 tháng	Trẻ biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn,...) khi được nhắc nhở.		- Nhận biết một số hành động nguy hiểm : + Leo trèo lên bàn, ghế, cửa sổ, leo trèo cây... + Chơi nghịch các vật sắc nhọn, hột hạt nhỏ, đất nặn, bút chì màu không được cho vào tai, mũi, miệng ... - Kỹ năng bảo vệ sức khỏe và an toàn - Không chơi nghịch vật sắc nhọn như dao, kéo, leo trèo lan can.	
2. Giáo dục phát triển nhận thức					

*** Trẻ thích khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan**

16	18-24 tháng	- Trẻ sờ nắn, nhìn, nghe... để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Tìm đồ chơi (đồ vật) vừa mới cất giấu. - Nghe âm thanh - Nếm vị của một số quả, thức ăn (Ngọt, mặn, chua)	-Tìm nơi phát ra âm thanh. - Sờ nắn, lắc, gõ đồ chơi và nghe âm thanh. - Ngửi mùi của một số hoa, quả quen thuộc, gần gũi. - Nếm vị của một số quả, thức ăn.	
	24-36 tháng	- Trẻ sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.		- Nhận biết âm thanh của một số đồ vật tiếng kêu của một số con vật quen thuộc. + <i>Trống, xắc xô, phách tre, mõ...</i> + <i>Con gà, con lợn, con mèo, con chó...</i> - Trẻ sờ nắn, nhìn, ngửi ... đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng - mềm, trơn (nhẵn) - xù xì.	

*** Trẻ biết thể hiện sự hiểu biết về các sự vật, hiện tượng gần gũi**

17	18-24 tháng	Trẻ biết bắt chước hành động đơn giản của những	Đồ chơi đồ dùng của bản	- Tên của bản thân.	
----	-------------	---	-------------------------	---------------------	--

		người thân.	thân (Nhóm/ lớp) + <i>Bảo vệ các bộ phận trên cơ thể (bảo vệ đôi mắt, bảo vệ tai, mũi, bàn tay...)</i>	- Hình ảnh của bản thân trong gương. - Tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân. - Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - <i>Sử dụng đồ dùng, đồ chơi:</i> + <i>Cắt đúng nơi quy định, không quăng ném, đập phá.</i>	
	24-36 tháng	Trẻ chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.			
18	18-24 tháng	Trẻ chỉ hoặc nói được tên của mình, những người gần gũi khi được hỏi	- Tên của bản thân. - Tên của một số người thân gần gũi trong gia đình. - Tên của số người thân gần gũi trong nhóm/ lớp (cô giáo, các bạn...).	- Tên, đặc điểm nổi bật của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân - Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình (Ông, bà, Bố, mẹ, anh, chị...) - Tên cô giáo, các bạn trong nhóm lớp - <i>Nắng nóng, hạn hán, lũ lụt, sạt lở đất, mưa</i>	
	24-36 tháng	Trẻ nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi	- <i>Thể hiện cảm xúc của bản thân, người thân và người khác: ôm, bế, thơm.</i> - <i>Nắng nóng, hạn hán, lũ lụt, sạt lở đất, mưa</i>		

			<i>rông, lóc, sét, mưa đá, động đất</i>	<i>sạt lở đất, mưa rông, lóc, sét, mưa đá, động đất</i> <i>- Ích lợi của nước đối với đời sống con người, con vật và cây.</i> <i>- Làm quen với ngôn ngữ tiếng việt: Trẻ nói được tên đồ chơi, đồ vật, một số bộ phận, con vật, hoa quả, hình tròn, hình vuông, màu sắc.</i>	
19	18-24 tháng	Trẻ chỉ vào hoặc nói tên một vài bộ phận cơ thể của người khi được hỏi.	- Tên, một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân.	- Tên, một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân.	
	24-36 tháng	Trẻ nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi.	+ <i>Bảo vệ các bộ phận trên cơ thể (bảo vệ đôi mắt, bảo vệ tai, mũi, bàn tay...)</i>	Chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân.	
20	18-24 tháng	Trẻ chỉ/lấy/nói tên đồ dùng, đồ chơi, hoa quả, con vật quen thuộc theo yêu cầu của người lớn.	Tên và một số đặc điểm nổi bật của rau, hoa, quả quen thuộc (rau cải, rau ngót, xu hào, bắp cải, quả táo, quả cà chua, hoa hồng, hoa đào, hoa mai...) - <i>Sống gần gũi</i>	- Đồ dùng, đồ chơi của bản thân và nhóm lớp - Tên của phương tiện giao thông gần gũi. - Tên và một vài đặc điểm nổi bật của con vật, quả quen	

			với môi trường tự nhiên + Yêu quý, chăm sóc, bảo vệ cây cảnh thiên nhiên. + Tưới nước, nhổ cỏ, không ngắt lá, bẻ cành, lau lá cây.	thuộc. - Làm quen với ngôn ngữ tiếng việt: Trẻ nói được tên một số đồ chơi, đồ vật, một số bộ phận, con vật, hoa quả.	
	24-36 tháng	Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc.	- Tên đặc điểm công dụng nổi bật của đồ dùng, đồ chơi... - Tên và một số đặc điểm nổi bật của con vật (Con chó, con mèo, con gà, con vịt, con cá, con bò...)	- Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi. - Tên và một số đặc điểm nổi bật của con vật, rau, hoa, quả quen thuộc. + Tiếp xúc an toàn với động vật. + Không lại gần và ôm chó, mèo, trâu, bò.	
21	18-24 tháng	Trẻ chỉ hoặc lấy được đồ chơi có màu đỏ hoặc xanh theo yêu cầu hoặc gợi ý của người lớn.	Màu đỏ, xanh	- Kích thước to - nhỏ.	
	24-36 tháng	Trẻ chỉ/nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/vàng/ xanh theo yêu cầu.		- Màu đỏ, vàng, xanh. - Hình tròn, hình vuông. - Vị trí trong không gian (trên - dưới, trước - sau) so với bản thân	

				trẻ. - Số lượng một - nhiều.	
22	24-36 tháng	Trẻ chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/nhỏ theo yêu cầu. <i>Trẻ nhận biết và nhắc lại được tiếng việt tên đồ chơi, đồ vật, con vật, hoa quả, hình tròn, hình vuông, màu sắc... hướng dẫn gợi ý của cô.</i>		- Kích thước to - nhỏ. <i>Trẻ nói và nhắc lại được tiếng việt tên đồ chơi, đồ vật, con vật, hoa quả, hình tròn, hình vuông, màu sắc... hướng dẫn gợi ý của cô.</i>	

3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ để giao tiếp

* Trẻ biết nghe hiểu lời nói

	18-24 tháng	Trẻ thực hiện được các yêu cầu đơn giản: đi đến đây; đi rửa tay...	- Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động		
23	24-36 tháng	Trẻ thực hiện được nhiệm vụ gồm 2 - 3 hành động. Ví dụ: Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay.	quen thuộc - Nghe và thực hiện được nhiệm vụ gồm 2- 3 hành động. Ví dụ: Đến đây với cô, Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay...		
24	18-24 tháng	Trẻ hiểu được từ “không”: dừng hành động khi nghe “Không được lấy!”, “Không được sờ”,...	- Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau.	- Trẻ biết từ (không) khi cô giáo không cho phép trẻ “Không” được lấy “Không được sờ”	

	24-36 tháng	Trẻ trả lời các câu hỏi: “Ai đây?”, “Cái gì đây?”, “... làm gì?”, “..... thế nào?” (ví dụ: con gà gáy thế nào?”, ...)		- Trẻ nghe các câu hỏi: “ Cái gì”, “ ở đâu”, “con gì”; “thế nào”; “làm gì”; “để làm gì”; “như thế nào” - Trả lời và đặt các câu hỏi: “con gì? ” ; “cái gì? ”; “làm gì? ”; “để làm gì? ”; “ở đâu? ”; “như thế nào (ví dụ: con gà gáy thế nào?”, ...)	
25	18-24 tháng	Trẻ trả lời được câu hỏi đơn giản: “Ai đây?”, “Con gì đây?”, “Cái gì đây?”, ...	- Nghe và thực hiện một số yêu cầu bằng lời nói.		
	24-36 tháng	Trẻ hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.	- Trả lời và đặt câu hỏi: cái gì?, làm gì?, ở đâu?, thế nào?, để làm gì?, tại sao?...	- Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý .	
* Trẻ biết nghe, nhắc lại các âm, các tiếng và các câu					
26	18-24 tháng	Trẻ nhắc lại được từ ngữ và câu ngắn: con vịt, vịt bơi, bé đi chơi, ...		- Gọi tên các đồ vật, con vật, hành động gần gũi.	
	24-36 tháng	Trẻ phát âm rõ tiếng.		Phát âm các âm khác nhau	
27	18-24 tháng	Trẻ đọc tiếp tiếng cuối của câu thơ khi nghe các bài thơ quen thuộc.	Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát	- Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3-4 tiếng.	

	24-36 tháng	Trẻ đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.	và truyện ngắn (truyện kể đơn giản theo tranh)	- Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý .	
* Trẻ biết sử dụng ngôn ngữ để					
28	18-24 tháng	Trẻ nói được câu đơn 2 - 3 tiếng: con đi chơi; bóng đá; mẹ đi làm; ...		- Gọi tên các đồ vật, con vật, hành động gần gũi. - Trẻ nghe và nói được các từ, câu đơn, câu có 2-3 tiếng việt chỉ con vật, đồ vật, sự vật, hoa quả, hoạt động.	
	24-36 tháng	Trẻ nói được câu đơn, câu có 5 - 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.		- Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp. - Trẻ nghe và nói được các từ, câu đơn, câu có 5-7 tiếng tiếng việt chỉ con vật, đồ vật, sự vật, hoa, quả, hoạt động, đặc điểm.	
29	18-24 tháng	Trẻ chủ động nói nhu cầu, mong muốn của bản thân (cháu uống nước, cháu muốn...).	Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài	Thể hiện nhu cầu, mong muốn của mình bằng câu đơn giản như: (cháu uống nước, cháu muốn).	

	24-36 tháng	Trẻ biết sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau: - Chào hỏi, trò chuyện. - Bày tỏ nhu cầu của bản thân. - Hỏi về các vấn đề quan tâm như: con gì đây? cái gì đây?, ...	- <i>Thể hiện nhu cầu của bản thân:</i> + <i>Muốn được bế, đổi, khát nước, đi vệ sinh...</i>	- Trẻ trả lời được câu hỏi: con gì đây? Cái gì đây? ở đâu? Làm gì? Như thế nào? - Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn (<i>chào hỏi, ạ, cảm ơn, xin lỗi...</i>).	
30	24-36 tháng	Trẻ nói to, đủ nghe, lễ phép.	Mở sách xem tranh và gọi tên các nhân vật sự vật hành động gần gũi trong tranh	Lắng nghe khi người lớn đọc sách	
31	24-36 tháng	<i>Hình thành và phát triển khả năng nghe, nói tiếng việt có sự hướng dẫn của cô giáo.</i>		<i>Trẻ nghe và nói được các từ, câu đơn, câu có 2-3 tiếng tiếng việt chỉ con vật, đồ vật, sự vật, hoa quả, hoạt động, đặc điểm...</i>	

4. Lĩnh vực giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ

*** Trẻ biết biểu lộ sự nhận thức về bản thân**

32	18-24 tháng	Trẻ nhận ra bản thân trong gương, trong ảnh (chỉ vào hình ảnh của mình trong gương khi được hỏi).		- Hình ảnh của bản thân trong gương.	
	24-36 tháng	Trẻ nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi).		- Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài	

				bản thân.	
33	24-36 tháng	Trẻ thể hiện điều mình thích và không thích.		- Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình	
* Trẻ nhận biết và biểu lộ cảm xúc với con người và sự vật gần gũi					
34	18-24 tháng	Trẻ biểu lộ sự thích giao tiếp bằng cử chỉ, lời nói với những người gần gũi.	- Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn. <i>(Kiểm soát bản thân)</i>		
	24-36 tháng	Trẻ biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.	- <i>Trình bày ý kiến cá nhân (Trí nhớ làm việc)</i> - <i>Trẻ sử dụng các từ đề nghị sự giúp đỡ khi bị đau, ngứa, bị thương.....</i> - <i>Thể hiện sự quan tâm (Đồng cảm với người khác)</i> + <i>Bạn khóc biết ôm, xoa đầu.</i> + <i>Bạn đau, khóc, ngã biết gọi người lớn.</i> - <i>(Lòng biết ơn). Thể hiện sự biết ơn, tôn trọng những gì người khác làm cho mình.</i> + <i>Trẻ biết xin khi được người khác cho quà</i>		

35	18-24 tháng	Trẻ cảm nhận và biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi của mình với người xung quanh		Biểu lộ cảm xúc khác nhau với những người xung quanh. - <i>Kỹ năng kiểm soát cảm xúc:</i> + <i>Khi được khen trẻ tươi vui phấn khởi, nháy múa.</i> + <i>Khi bị chê trẻ giận dỗi, nét mặt buồn, ủ rũ, khóc...</i> * <i>Kỹ năng bảo vệ sức khỏe và an toàn:</i> - <i>Khi người lạ bế, trẻ biết gào khóc, kêu gọi người thân.</i>	
	24-36 tháng	Trẻ nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi.		Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận. - <i>Kỹ năng kiểm soát cảm xúc:</i> + <i>Tiếp nhận lời khen, chê.</i> + <i>Khi được khen trẻ tươi vui phấn khởi, nháy múa.</i> + <i>Khi bị chê trẻ giận dỗi, nét mặt buồn, ủ rũ, khóc...</i>	

				<i>* Kỹ năng bảo vệ sức khỏe và an toàn:</i> - Khi người lạ bế, trẻ biết gào khóc, kêu gọi người thân. - Trẻ nhận diện và thể hiện cảm xúc của bản thân. + Được người thân bế vui vẻ, tươi cười, âu yếm + Người lạ bế la khóc giãy giụa, kêu la.	
36	18-24 tháng	Trẻ thích chơi với đồ chơi, có đồ chơi yêu thích và quan sát một số con vật.			
	24-36 tháng	Trẻ biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.	- Tập sử dụng đồ dùng đồ chơi. - Quan tâm đến các con vật nuôi	- Thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ. - KN kiểm soát cảm xúc bản thân: + Tiếp nhận lời khen, chê. - Nhìn nhận bản thân tích cực Khi được khen trẻ tươi vui phấn khởi,	

				<i>nhảy múa.</i> + <i>Khi bị chê trẻ giận dỗi nét mặt buồn, ủ rũ, khóc...</i>	
37	24-36 tháng	Trẻ biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/gần gũi: bắt chước tiếng kêu, gọi.		+ <i>Thể hiện yêu quý, bảo vệ, chăm sóc con vật</i>	
* Trẻ biết thực hiện hành vi xã hội đơn giản					
38	18-24 tháng	Trẻ biết chào tạm biệt khi được nhắc nhở.	- Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “ạ”, “vâng ạ”; con chào ông, bà, bố, mẹ, chào cô...		
	24-36 tháng	Trẻ biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ạ, vâng ạ.		- Chơi cạnh bạn, không cầu bạn	
39	18-24 tháng	Trẻ bắt chước được một vài hành vi xã hội (bế búp bê, cho búp bê ăn, nghe điện thoại...).	<i>- Áp dụng quy tắc xã hội:</i> <i>- Kính yêu Bác Hồ</i> <i>- Vứt rác đúng nơi quy định</i> - Tập sử dụng đồ dùng đồ chơi. - Thể hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi qui định		
	24-36 tháng	Trẻ biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...).			

40	18-24 tháng	Trẻ làm theo một số yêu cầu đơn giản của người lớn.		- Trẻ làm theo một số yêu cầu đơn giản của giáo viên.	
	24-36 tháng	Trẻ chơi thân thiện cạnh trẻ khác.		- Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn - Chơi cạnh bạn không cầu bạn. - <i>Trình bày ý kiến cá nhân</i> - <i>Trẻ sử dụng các từ đề nghị sự giúp đỡ khi bị đau, ngứa, bị thương...</i> - <i>Thể hiện sự quan tâm:</i> + <i>Bạn khóc biết ôm, xoa đầu.</i> + <i>Bạn đau khóc, ngã biết gọi người lớn.</i>	
41	24-36 tháng	Trẻ thực hiện một số yêu cầu của người lớn.		- Thực hiện được yêu cầu đơn giản của giáo viên. - <i>Áp dụng quy tắc xã hội</i> Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi qui định.	

<i>* Trẻ biết thể hiện cảm xúc qua hát, vận động theo nhạc/tô màu, vẽ, nặn, xếp hình, xem tranh</i>					
42	18-24 tháng	Trẻ thích nghe hát và vận động theo nhạc (dậm chân, lắc lư, vỗ tay...).	- Nghe hát, nghe nhạc (với các giai điệu khác nhau), nghe âm thanh của các nhạc cụ. - Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc		
	24-36 tháng	Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/bản nhạc quen thuộc.			
43	18-24 tháng	Trẻ thích vẽ, xem tranh.	- Xem tranh. - <i>Sử dụng nguyên vật liệu tự nhiên, tái chế.</i> - <i>Bảo vệ giữ gìn những đồ dùng, sản phẩm của mình và bạn khác</i>	- Tập cầm bút vẽ.	
	24-36 tháng	Trẻ thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc).		- Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, xé, vò, xếp hình.	
44	24-36 tháng	<i>Trẻ bước đầu tham gia bảo vệ môi trường.</i>		- <i>Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định</i> - <i>Trẻ chơi xong biết cất đồ dùng, đồ chơi đúng nơi quy định.</i>	

II. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ

Thời gian	STT	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	Lễ /hội	Ghi chú
1/9- 6/9/2025	1	Bé và các bạn	Ổn định nề nếp			
8/9- 12/9			Các bạn của bé	1		1
15/9- 19/9			Bé là ai	1		2
22/9 -26/9			Lớp học của bé	1		3
29/9- 03/10			Bé biết những đồ chơi gì	1		4

06/10- 10/10	2	Đồ chơi của bé	Đồ chơi yêu thích của bé	1	Tết trung thu	5
13/10 - 17/10			Đồ dùng của bé	1		6
20/10 - 24/10			Bé và các bạn cùng chơi	1	Ngày 20/10	7
27/10- 31/10	3	Các cô các bác trong nhà trẻ	Bác bảo vệ	1		8
03/11 - 7/11			Cô nuôi dưỡng	1		9
10/11 -14/11	4	Mẹ và những người thân yêu	Ngôi nhà của bé	1		10
17/11 -21/11			Cô giáo con	1	Ngày NGVN 20/11	11
24/11 -28/11			Mẹ yêu	1		12
01/12 -05/12			Bố, anh chị em của bé	1		13
8/12 - 12/12			Ông bà nội, ông bà ngoại của bé	1		14
15/12 - 19/12	5	Những con vật đáng yêu	Động vật nuôi trong gia đình (Gia cầm)	1		15
22/12 -26/12			Động vật nuôi trong gia đình (Gia súc)	1	QĐNDVN 22/12	16
29/12 – 2/1/2026			Động vật sống trong rừng	1	Nghỉ tết dương lịch 1/1/2026	17
5/1 -9 /1			Động vật sống dưới nước	1		18
12/1 - 16/1	6	Cây xanh và những bông hoa đẹp	Ôn		Kết thúc hk1 15/1	
19/1 - 23/1			Rau xanh	1		19
26/1- 30/1			Các loại quả quê em	1		20
2/2-6/2			Những bông hoa đẹp	1		21
09/2 - 13/2			Cây xanh quanh bé	1		22
16 /2 - 20/2	7	Bé vui đón tết và mùa xuân	Nghỉ tết nguyên đán		Tết nguyên đán	
23/2 -27/2			Bé mong đón tết	1		23
02/3 - 6/3			Món ăn ngày tết	1	Ngày QTPN 8/3	24
09/3 -13/3			Các hoạt động của bé trong ngày tết	1		25

16/3 - 20/3	8	Bé đi khắp nơi bằng phương tiện gì	PTGT đường bộ	1		26
23/3 - 27/3			PTGT đường thủy	1		27
30/3 - 3/4			PTGT đường hàng không	1		28
6/4 – 10/4			PTGT đường sắt	1		29
13/4 - 17/4	9	Mùa hè đến rồi	Mùa hè đến	1		30
20/4- 24/4			Thời tiết mùa hè	1		31
27/4- 1/5			Trang phục của bé mùa hè	1	Giỗ tổ HV 10/3; Nghi 30/4-1/5	32
4/5- 8/5			Bé làm gì trong mùa hè	1		33
11/5-15/5	10	Bé lên mẫu giáo	Lớp mẫu giáo của bé	1		34
18/5-22/5			Bé chuẩn bị đi học mẫu giáo	1		35

Pa Ham, ngày 03 tháng 09 năm 2025

NGƯỜI LẬP KẾ HOẠCH

TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN

PHÊ DUYỆT CỦA CM NHÀ TRƯỜNG

Lường Thị Hoan

Nguyễn Thị Thương Hiền

Sìn Thị Cúc